

NHỮNG NGƯỜI ÂU ĐÃ THẤY PHÚ YÊN XƯA

NGUYỄN VĂN GIÁC

TÓM TẮT

Những người Âu là những nhà truyền giáo, quan chức chính phủ và thương gia đi tìm cơ hội giao thương, quan cai trị thực dân cùng các nhà khảo cứu văn hóa-nghệ thuật bản xứ khi đế quốc Pháp áp đặt nền bảo hộ ở Việt Nam... Đa phần họ thường xuyên lui tới các trung tâm dân cư và đầu mối giao dịch, đôi khi họ ngang qua những địa phương lẻ loi lân cận. Phú Yên trong những chuyến khảo sát hay viễn du, hoặc tình cờ hoặc được trù định như vậy đã trở thành nguồn dữ liệu hiếm hoi theo bề dày thời gian thăng trầm dấu tích.

1. THỜI KỲ PHÚ YÊN NẪM TRONG BIÊN THỔ CHAMPA

Thế kỷ II, đồng lịch đại lập quốc Champa mà tiền thân là Lâm Ấp thoát thai từ nhà nước sơ khai Hồ Tôn có thủ phủ đóng tại Thành Hồ, nhà du hành Ptolémée người Hy Lạp đã có những khảo sát đầu tiên

vùng sườn núi Wou Wen (Trường Sơn) cùng dải bờ biển phía Đông. Kết quả là một trong những địa danh sớm nhất nơi đây xuất hiện trên tám bản đồ cổ của Ptolémée: Dairios, tên gọi sông Ba (Nguyễn Đình Tư, 1965, tr. 36), con sông lớn nhất của vương quốc đang thành hình này.

Vẫn là bờ biển Champa, năm 1523 thương nhân Bồ Đào Nha có cuộc tiếp xúc chính thức với cư dân địa phương tại khu vực cảng thị phía Nam dãy Cù Mông. Tuy nhiên, những dòng ghi chép sau đây lại là của Antonio de Faria, bạn đồng hành của Mendez Pinto với tư cách cướp biển Bồ Đào Nha trong chuyến phiêu lưu kỳ lạ khoảng năm 1537: “Sau khi đi qua đảo Pulo Campello (Cù Lao Chàm), một hòn đảo nằm ở 14⁰20', họ đã tới đảo Pulo Capas, nơi một đoàn thuyền gồm 40 chiếc thuyền mảnh lớn, mỗi chiếc hai hoặc ba tầng sàn đã được nhìn thấy ở con sông Boralho (Varella trên các hải đồ); Faria đã cử người đi khám phá đảo đó. Và sau đó là một đoàn thuyền khác, hình như có đến 2.000 thuyền lớn nhỏ, và một thành phố có tường bao với khoảng chục nghìn nóc nhà”⁽¹⁾ (J. Barrow, 2008, tr. 123-124). Căn cứ vào mũi đá Varella trên các đồ bản hải hành mà đoạn du ký định vị, con sông Boralha đó chỉ có thể là sông Ba lớn nhất vương quốc Champa với cương vực hiện thời khởi từ phía Nam dãy Cù Mông vào

Nguyễn Văn Giác. Thạc sĩ. Trường Trung học Phổ thông Trần Quốc Tuấn, Phú Hòa, Phú Yên. Nghiên cứu sinh chuyên ngành Lịch sử Việt Nam Học viện Khoa học Xã hội.

Nhan đề bài viết tác giả lấy theo tên chuyên mục “Những người Âu đã thấy Huế xưa” trong các Tập san BAVH (Bullentin des amis du Vieux Hué/ Những người bạn cổ đô Huế). Theo đó, khái niệm người Âu bao hàm cả người Mỹ.

tới Panduranga, trong đó Thành Hồ chính là thành phố với chục nghìn nóc nhà có tường bao quanh khi mà lúc này mực nước biển còn ăn sâu vào sát chân tòa thành kỳ vĩ với vị trí cửa sông án ngữ ngay tại cổng thành; theo đó đảo Pulo Capas có thể bao gồm núi Chóp Chài (Nụu Sơn) và Núi Nhạn, Núi Bà với quần thể kiến trúc tín ngưỡng quy mô được dựng lên trên nền tảng một nền kinh tế thịnh vượng. Hẳn đây là lý do để Nguyễn Hoàng sau khi cát cứ đất Thuận Quảng, huy động một cuộc tiến công tổng lực san bằng thành trì quân sự kiên cố lẫn trung tâm thương mại sầm uất này nhằm khuếch trương tầm ảnh hưởng chính trường và thu hút về phía mình lợi thế giao thương⁽²⁾.

2. PHÚ YÊN THỜI CHÚA NGUYỄN XỨ ĐÀNG TRONG

Từ năm 1611, Phú Yên chính thức sáp nhập vào cương vực Đại Việt và đồng thời trở thành một bộ phận trực thuộc xứ Đàng Trong của chúa Nguyễn. Giới thương nhân và giáo sĩ từ phố cảng Hội An, Quy Nhơn có điều kiện thâm nhập nội vùng Phú Yên thông qua hệ thống cửa khẩu phía Đông.

Linh mục Cristophoro Borri trong thời gian truyền đạo năm 1618-1621 tại Nước Mặn - Quy Nhơn đã nói về hoạt động chiến tranh của chính quyền Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên hầu như diễn ra liên tục bằng nhiều hình thức, nhất là cuộc chinh phạt Champa nhằm tăng cường thực lực trong mưu đồ cát cứ phương Nam. “Ông thường xuyên tiến hành chiến tranh ở vùng thứ ba, trong phần đất khác ở miền Tây, ở đàng cuối vương quốc ông, xứ gọi là Renran để chống lại vua xứ Champa, không mấy

manh, mà cuộc va chạm dễ dàng chịu đựng đối với vị tổng trấn tỉnh này và lực lượng đủ chống trả” (Nguyễn Cửu Sà dịch, 2003, tr. 405). Renran là tên gọi Phú Yên, lấy tên con sông chính Đà Rằng mà thời điểm này là vùng biên thủy giáp ranh với vương quốc Champa tại mũi Varella. Vị tổng trấn được đề cập trên đây không ai khác hơn là viên lưu thủ Văn Phong từng theo lệnh chúa Nguyễn Hoàng thu phục và lập nên phủ Phú Yên năm 1611.

Chậm sau một vài năm, linh mục Alexandre de Rhodes có mặt tại Đàng Trong. Nhưng phải trải qua những chặng đường vòng kéo dài hàng hai chục năm, vị giáo sĩ này mới có cơ hội đặt chân lên miền biên cảnh phía Nam Đàng Trong vào năm 1641, khi tiếp quản một vùng giáo phận bao gồm ba phủ là Quảng Ngãi, Qui Nhơn và Phú Yên. “Cả ba tỉnh này đều rất đẹp, có nhiều cửa biển và sông lớn rất thuận tiện cho việc thông thương đi lại. Về phía tỉnh Phú Yên, Chúa có nhiều thuyền chiến để chống xâm lăng... ở ngay biên giới. Ngoài ra, chính ở đây có thổ sản rất quý là trầm hương và tổ yến...” (A. Rhodes, 1994, tr. 100).

Phú Yên từ sau cuộc dẹp loạn Văn Phong năm 1629 đã được chúa Nguyễn Phúc Nguyên cho tăng cường hệ thống phòng thủ bằng việc dựng dinh Trấn Biên, cắt cử chính người con rể Nguyễn Phúc Vinh làm phó tướng trấn quản, quyết định mọi trọng trách ở biên thủy với đặc quyền sử dụng án son. Chiến thuyền được tập trung bố trí tại các quân cảng trong tư thế sẵn sàng xuất kích chứng tỏ khả năng cơ động chiến thuật của lực lượng thủy binh tại chỗ. Ở một ghi chép khác, Alexandre de Rhodes cũng hết sức lưu ý sức mạnh thủy

chiến này: “Trong ba bến ở Đàng Trong... Một bến ở vào cửa sông lớn, có lần người ta đếm tới sáu mươi tám chiếc. Một bến khác rộng lớn hơn ở vào giữa lãnh thổ gọi là Kê Chàm có rất nhiều [thuyền] dùng để bảo vệ đất nước và buôn bán với người Tàu thường tới bến này. Còn bến thứ ba thì ở vào biên giới nước Chiêm Thành...” (A. Rhodes, 1994, tr. 14-15). Tuy nhiên, không phải chỉ tăng tiến mỗi năng lực chiến tranh, những điều kiện để phát triển nền kỹ nghệ và buôn bán ở khu vực này cũng vô cùng lợi thế: phong thủy phì nhiêu, hải cảng lớn rộng, có nhiều nguồn thổ sản quý cùng các phương tiện vận chuyển luôn sẵn đợi ven bờ. Bờ biển Phú Yên không chỉ nổi tiếng cảnh đẹp mà còn hữu dụng với chức năng che chắn cho tàu thuyền neo đậu, nhất là hải cảng Vũng Lắm nằm trong vịnh lớn Bà Đài. Trong một bức thư gửi cho đạo hữu, Alexandre de Rhodes viết: “Tôi đã lên thuyền đi vào ngày thứ Sáu Thánh, sau công việc ở phủ Phú Yên, và ngày hôm sau đó chúng tôi gặp phải một trận bão thật kinh hoàng khủng khiếp, mà tất cả chúng tôi đều nắm chắc là bị chìm mất. Nhưng Thượng đế đã cứu thoát chúng tôi ra khỏi cơn bão đó; vì ngày lễ Pâques (29/3/1641), chúng tôi đều tìm thấy mình ở trong một cái vịnh chắc chắn kín đáo, mà chúng tôi cũng không biết rõ là chúng tôi đang ở đâu... sau đó thì chúng tôi nhận ra chúng tôi đang đi về hướng vụng cảng Baday” (Hà Xuân Liêm dịch, 2006, tr. 182). Bà Đài-Vũng Lắm cũng chính là cửa vào dinh lỵ Trấn Biên nằm án ngữ phía Nam bờ vịnh, nơi ở của tổng trấn Nguyễn Phúc Vinh với bà vợ Ngọc Liên, người được xưng tụng là người đàn bà đức hạnh nhất. “Trong vô số công việc từ thiện mà người

đàn bà quá đức hạnh là Dame Marie-Madeleine (tên thánh của hoàng nữ Ngọc Liên - TG), vợ ông quan lớn, đã làm ở phủ Phú Yên, thì có việc bà đã lập được một bệnh xá tốt đẹp... trong số công việc khác thì có nhiều người bị bệnh cùi (ladres) được đề nghị cho nhận lễ rửa tội, để được chùi rửa cho sạch trong linh hồn họ” (Hà Xuân Liêm dịch, 2006, tr. 185). Linh mục Alexandre de Rhodes trong lần thứ nhất đến Phú Yên này cho biết đã làm phép rửa tội đến 90 người, trong đó có chàng thiếu niên về sau gia nhập giáo đoàn thầy giảng tại Quảng Nam và trở thành Thánh tiên khởi tử đạo của xứ Đàng Trong, đó là Thánh Andre Phú Yên. Alexandre de Rhodes còn vẽ lại một tấm bản đồ xuất bản năm 1651, trên đó dinh Trấn Biên được chỉ dẫn là dinh Phu An; còn địa danh Ran Ran có thể dùng để chỉ sông Đà Rằng hoặc bao quát cả vùng đất Phú Yên giáp giới với Champa ở phía Nam. Nhìn chung, công trình của Rhodes được Jean Yves Clauveys, thành viên Trường Viễn Đông Bác Cổ đánh giá vượt trên cả Borri, vì rằng “đã tạo nên một trong những trang đẹp nhất và xưa nhất của một tác phẩm được hoàn thành bởi người phương Tây ở xứ này” (Hà Xuân Liêm dịch, 2006, tr. 95).

Khác với hai linh mục C. Borri và A. Rhodes ghi chép thành sách qua những điều chứng kiến tận mắt bằng thực tế truyền đạo, vị mục sư người Pháp De Choisy để lại quyền hồi ký của mình về xứ Đàng Trong chỉ bằng tai nghe gián tiếp qua lời thuật của các đồng sự tại Xiêm, nơi ông làm trợ lý cho phái đoàn đại sứ do Hoàng đế Louis XIV cử đến vào cuối năm 1685. Những trang ghi chép của Choisy tương đối cô đọng, trong đó lóe lên một chỉ dẫn

đặc biệt về nguồn lợi tự nhiên ở Phú Yên: “Vua xứ Đàng Trong có nhiều gỗ thơm và vàng như cát mà người ta tìm thấy ở một con sông thuộc tỉnh Fu Yen” (Nguyễn Cửu Sà dịch, 2003, tr. 264). Thứ gỗ thơm được nói đến chắc hẳn là kỳ nam hương, một trong hai sản phẩm quý giá nhất từng làm nổi tiếng thương trường Champa nhiều thế kỷ về trước, mà hiện tại tiếp tục được nhiều địa phương khai thác cùng với vàng. Đó chính là hai mặt hàng đứng đầu danh mục buôn bán giữa chính quyền chúa Nguyễn với thương nhân ngoại quốc tại các thương cảng, đem lại giá trị thương mại cao để tích lũy tài chính cũng như trang vũ khí cho quân đội.

Một giáo đoàn đặc phái làm nhiệm vụ hòa giải tranh chấp giữa các dòng truyền giáo đã tiến hành cuộc hành trình bằng đường bộ vào năm 1737 từ Huế đến Nha Trang, nơi xảy ra sự vụ. Viên thư ký đoàn người Thụy Sĩ, Le Fabvre, ghi lại trong nhật ký và sau đó xuất bản thành sách dưới nhan đề *Hành trình kinh lý của Đức Ông De La Baume ở Đàng Trong năm 1740* mà mỗi vùng đất đi qua đều gây ấn tượng sâu sắc đối với các thành viên. Theo đó, “Từ Qui Nhơn người ta đi tới Phú Yên, tỉnh này không lớn, chỉ dài từ 18 tới 20 dặm, sản xuất rất dư dật những gì cần cho sự sống, như lúa thóc, tơ lụa, bông sợi, rất nhiều cau và trầu không” (Hồng Nhuệ dịch, 1999, tr. 8-10, 27). Tác giả chỉ tập trung mô tả phần phía Bắc, song cũng đã khái lược nét đặc trưng của một vùng phì nhiêu các chủng loại nông sản nhiệt đới.

3. PHÚ YÊN THỜI VƯƠNG TRIỀU NGUYỄN TỰ CHỦ

Một người Mỹ chỉ huy tàu Franklin, thực hiện

chuyến khảo sát 20 tháng ròng trong hai năm 1819-1820 tại vương quốc Việt Nam mà ông gọi là xứ Cochinchine, đã cho xuất bản tập nhật ký của mình lần đầu tiên vào năm 1823 dưới nhan đề *Chuyến của một người đi du hành trong biển Trung Hoa*. Tác giả của tập sách là John White, người bị phê phán “đã làm cho các tàu Mỹ quay lưng lại với xứ Đông Dương...” (Hà Xuân Liêm dịch, 2010, tr. 168). Tuy vậy, trên hải lộ từ Biên Hòa ra Huế xin giấy phép thương mại, J. White được mục kích một cảnh quan cực kỳ diễm lệ mà không nơi nào khác có thể thay thế trong suốt tập ghi chép của ông. Cảnh trí này dường như đã làm cho John White và toàn bộ thủy thủ đoàn trên tàu Franklin quên đi những bực dọc mà họ chuốc phải trong khi giao dịch ở Cần Giờ và Vũng Tàu. White mô tả: “chúng tôi đi theo bờ biển của tỉnh Phú Yên đẹp, phì nhiêu và canh tác rất đều. Dãy núi có những đỉnh nhọn cao đầy mây trắng bao phủ, ở chân núi trải rộng những cánh đồng bằng và những thung lũng phong phú với những ngọn đồi có sườn dốc thoải được tô vẽ một màu xanh huy hoàng, và trải ra trước mắt chúng tôi những phong cảnh đẹp càng lộng lẫy hơn lên vì chúng trái ngược với những sườn dốc có màu đỏ và nhọn lởm chởm. Người ta có thể nói rằng thiên nhiên đã quyết đem lại những quang cảnh còn đẹp hơn dùng phong cách đem lại hiệu quả viễn cận, vì hơi nước tụ lại đã từ phía biển bay về những vùng dưới núi cao ấy, có khi lại phân tán và bao phủ một ngọn tháp rung rinh hay một cái am xưa cheo leo trên nóc sườn núi đá mà xem ra không thể nào tới được. Vô số thuyền đánh cá đi theo nhiều hướng khác nhau còn tạo thêm vẻ linh

động hơn cho quang cảnh ấy. Người An Nam cũng như người Trung Hoa đều vẽ ở đằng trước thuyền của họ hình hai con mắt, đó là những biểu hiệu cho sự cảnh giác dọa nạt” (Hà Xuân Liêm dịch, 2010, tr. 240). J. White và những công dân Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ đã không quay trở lại Việt Nam dù rằng Hoàng đế kế Minh Mạng cam kết áp dụng chính sách đãi ngộ tương thích nếu tàu nước này chở đến Việt Nam các mặt hàng theo danh mục yêu cầu.

Hơn một thập kỷ sau, phái bộ Edmund Roberts hai lần đến Việt Nam đặt quan hệ thương mại nhưng không thành công, trong đó có lần tàu Peacock bị gió lớn đánh giạt từ ngoài khơi vịnh Tourane xuống phía Nam và tấp đậu trong hải phố Vũng Lắm. Viên đặc phái Roberts dường như để tỏ rõ thái độ giận dữ cực điểm vì không đạt được bất kỳ một điều khoản nào trong bản hiệp ước thương mại đem ra bàn thảo nên đã biện dẫn những hình ảnh tương phản sau: “Trông bề ngoài xứ sở bao quanh vịnh hùng vĩ này ở trong tình trạng phát triển cao độ, nhưng với một sự khảo sát kỹ càng hơn, viễn cảnh tươi đẹp này không có thực. Dân chúng ở đây là những người ăn ở bần nhứt trên thế giới, không có một ngoại lệ nào cả. (Họ) không hay biết... khoảng cách giữa hai xứ sở, hay hiểu biết gì về vị trí của Bắc Mỹ châu, nhưng lại giả định rằng nó thuộc về Âu châu như sau này chúng ta được rõ như vậy” (E. Roberts, 1837, tr. 225). Rõ ràng vị thượng khách không được mời nhưng tự tìm đến xứ Cochinchina xa lạ đối với Mỹ quốc đã không khách quan, nhất là ông còn rắp tâm phủ nhận luôn vị thế của một hải cảng đã cư mang con tàu cùng số phận các đồng sự của ông. Bỏ qua tính cục

bộ địa phương thô thiển, hẳn bữa đại yến với “năm mươi một bát [món]” mà Hoàng đế Minh Mạng chỉ thị cho tỉnh thần Phú Yên tổ chức ngay trên sàn tàu Peacock để chiêu đãi sứ đoàn Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ thật hết sức ấn tượng và tràn đầy ý vị. Đây cũng là sự kiện long trọng hiếm hoi đầu tiên mà vịnh biển Xuân Đài vinh hạnh chứng kiến về mối bang giao Mỹ-Việt, diễn ra vào ngày 26 tháng Giêng năm 1833 trong bối cảnh các cuộc thảo luận giữa đôi bên có nguy cơ lâm vào bế tắc.

“Thực là điều xúc phạm, và cản trở, nếu không phải là sự hủy diệt hoàn toàn mục đích của sứ mạng nếu từ chối lời mời khoản đãi, nên chúng tôi đã tức thời chấp nhận với lời cảm tạ; và các viên chức đến thông báo việc đó đã được báo cho hay rằng mười ba phát đại bác sẽ được bắn để chào mừng nhà vua vì yến tiệc được nói là do vua ban. Bữa tiệc đã được mang lên tàu trong các khay trap sơn thép đẹp đẽ; trông bên ngoài, rất gọn ghẽ và sạch sẽ (...) Chúng tôi đã nâng ly uống chúc mừng nhà vua, bằng loại rượu nếp đặc biệt của họ” (E. Roberts, 1837, tr. 189-190).

Dù vậy, cuộc bang giao rốt cục vẫn hoàn toàn thất bại. Sự kém may mắn của số phận đã không cho Roberts cơ hội để sửa chữa sai lầm, bởi ông cùng với rất nhiều sĩ quan và thủy thủ mắc nhiễm một dịch bệnh cực kỳ nguy hiểm trên hải lộ từ Xiêm La đến vịnh Tourane để mở cuộc bang giao lần hai với Việt Nam, vội vã ngưng cuộc thương thuyết nửa chừng một cách khó hiểu trước các đại diện của triều đình Minh Mạng vào giữa mùa hè năm 1836.

Vị giám mục người Pháp nhiều năm gắn với công cuộc cải đạo từ Huế đến Gia Định,

Jean Baptiste Taberd, đã góp phần làm cho sự hiểu biết về Phú Yên xưa cụ thể và phong phú hơn. Ông rời Việt Nam năm 1833 vì chính sách cấm đạo gắt gao của Hoàng đế Minh Mạng, mang theo một số công trình khảo cứu về xứ sở này, trong đó có tác phẩm đặc sắc bằng Latinh ngữ *Tabula Geographica imperii Anamitici* (An Nam Đại quốc họa đồ) ấn hành theo cuốn *Dictionarium Anamitico - Latinum* (Nam Việt-Dương Hiệp Tự Vĩ) tại Serampore (Ấn Độ) năm 1838. Tấm bản đồ khổ 40x80cm, thường được gọi là *Bản đồ Taberd*, lớn nhất và hoàn chỉnh nhất Việt Nam cho tới giữa thế kỷ XIX, ghi tới khoảng 505 địa danh bằng tiếng Latinh gấp nhiều lần so với 92 địa danh trên *Đại Nam nhất thống toàn đồ* (1840), tấm bản đồ chính thức dưới triều Minh Mạng. Trên địa phận Phú Yên có ghi các địa danh như: Phú Yên (trấn), Phú Yên (dinh), Hóa Châu (làng), Đà Lãng (sông), Mái Nhà (hải khẩu), Đà Rền (hải khẩu), Bàn Thạch (hải khẩu), Nại-Varella (mũi)... (Nguyễn Đình Đầu, 2009, tr.6-10). Cũng có thể nói rằng Taberd đã nhìn thấy Phú Yên gián tiếp thông qua đồ bản.

4. PHÚ YÊN THỜI THUỘC PHÁP

Từ năm 1884, Phú Yên được lưu ý trong phần phụ lục của bản hiệp ước hòa bình ký kết giữa đại diện của triều đình Đại Nam với Pháp quốc, theo đó cửa biển Xuân Đài phải được khai thông để tàu buôn quốc tế cập bến giao thương, đánh dấu thời kỳ thực dân hóa trên vùng đất yên bình này.

Dự cuộc trong quân đoàn viễn chinh Nam Kỳ bình định phong trào Cần Vương tại Phú Yên đầu năm 1887 và đồng thời cũng là viên công sứ đầu tiên khi tiến hành tổ

chức nền hành chính bản xứ, Tirant dành những nhận xét trân trọng đối với lãnh tụ Lê Thành Phương trong một bức thư gửi Thống đốc Nam Kỳ đề ngày 3/3/1887 rằng “Người chỉ huy chính những văn thân ở Phú Yên... Một người dũng cảm hiêm có và có một nghị lực thực sự, quê quán ở làng Mỹ Phú, tổng Xuân Vinh... Vùng này là trung tâm hoạt động của ông, ở đó ông đã tiến hành những vụ khủng bố, ông cũng xây đắp thành lũy để phòng thủ với một sự thông minh hiêm có, theo nhận xét của những người am hiểu nghề nghiệp” (C. Fourniau, 1982, tr. 33-50). Cũng chính Tirant đã đệ trình lên Chính phủ thuộc địa những triển vọng xán lạn về lĩnh vực thương mại địa phương: “Vịnh Sông Cầu là một trong những vịnh đẹp nhất trên toàn thế giới mà 100 tàu có thể đến thả neo ở đây”; ông còn nhấn mạnh thêm rằng “nó phải được thừa nhận như là hải cảng chính của miền Trung An Nam” (Nguyễn Cửu Sà dịch, 2003, tr. 382).

Ý tưởng của Tirant sang thập niên 20 ở thế kỷ sau đó đã được người đồng sự Albert Laborde tán đồng khi đem nó đối sánh với vịnh Qui Nhơn: “Tôi tin chắc rằng trong mọi trường hợp... cảng Sông Cầu hẳn đã được ưa chuộng hơn cảng Qui Nhơn, vì hơn Qui Nhơn nó dễ dàng giao thông với vùng cao nguyên theo ngã La Hai và nhất là ngã Củng Sơn, cửa khẩu dễ dàng dẫn đến Kontum và Darlac” (Nguyễn Cửu Sà dịch, 2003, tr. 383); và đây là dự báo đầy triển vọng của Tuy Hòa từ khi Sông Cầu còn đang là tỉnh lỵ sầm uất của người Pháp: “trọn vùng Tuy Hòa này, không còn nghi ngờ gì, đã độc chiếm tất cả khả năng của tỉnh này... Ai còn sống sẽ được thấy!” (Nguyễn Cửu Sà dịch, 2003, tr.

444-445). Những đánh giá này vô cùng hiện thực, cho dù lịch sử có làm chậm lại tiến trình.

Một viên chức ngành thuế Đông Dương nhưng gắn bó một cách kỳ lạ với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật bản xứ đã viễn du đến nhiều địa phương danh tiếng, đặc biệt có một chuyến xuyên Việt mà Phú Yên là một trong những điểm dừng vào cuối năm 1906. Đó chính là Claude Bourrin, một hiện tượng viết văn từng khiến cho một số người Pháp đề xuất ý tưởng lập giải Goncourt ở Đông Dương. Bourrin tác giả của *Đông Dương ngày ấy (1898-1908)* đã thăm tỉnh lỵ Sông Cầu, đến Xuân Đài uống rượu với bạn, dùng bữa ở Tuy Hòa và qua đêm trên trạm đèo Cả. Cuộc tiếp đón với nghi thức đặc biệt tại hải khẩu Xuân Đài cho thấy sở quan thuế ở đây hoạt động khá chuyên nghiệp và đem lại hiệu quả cao trong guồng máy nhà nước thực dân: “Từ Sông Cầu đến Xuan Day, chúng tôi dùng xà lúp biển. Chiếc xà lúp này vẫn chạy dọc ven biển theo chúng tôi từ khi chúng tôi rời Bắc Kỳ. Người phụ trách thu thuế ở Xuân Day là ông Pradier, nguyên là một thủy thủ của nhà nước (marin de l’État). Khi chúng tôi tới Xuân Day, ông đi canô ra đón và thật là vui mắt khi nhìn thấy tám người thủy thủ của ông, mặc đồng phục chỉnh tề, chèo rất nhịp nhàng, sau khi áp mạn chính xác vào xà lúp chúng tôi liền cho mái chèo dựng thẳng đứng lên trời...” (C. Bourrin, 2009, tr. 183). Song ấn tượng nhất đối với người dự cuộc hẳn là một đêm dừng chân trên đèo Cả với muối và mánh thú đe chừng. Đây hẳn là câu chuyện có một không hai diễn biến tại nơi giao điểm hai vùng đất liền kề Phú Yên-Khánh Hòa: “Vây quanh trạm là một

hàng rào lớn để ngăn thú dữ... Người mệt mỏi nên chúng tôi lăn ngay ra ngủ như chết dưới chiếc màn tuyền rộng như cũi, mặc lũ muỗi anôphen vo ve ở ngoài. Nửa đêm, chúng tôi bị những người phu giết chiếu đánh thức dậy... Họ kêu: Di dáy, ông di dáy... Lúc đó cửa đã mở, những người phu lắc lắc đuốc trước ngưỡng cửa và đám phu tắt cả bước ra ngoài dưới ánh đuốc của những người đang cầm. Quả thực, chúng tôi thấy họ giải quyết nhu cầu cá nhân dưới ánh lửa và trong những tiếng hò hét. Thì ra họ biết hổ không ở xa và không tin tưởng lắm vào hàng rào bảo vệ quanh nhà... Tốt nhất là buộc mọi người giải quyết cùng một lúc... để sau đó ngủ lại với sự thoải mái” (C. Bourrin, 2009, tr. 186-187). Nạn hổ (cọp) vồ là nỗi kinh hoàng đối với du khách lẫn dân địa phương qua các tuyến đường cây rừng lan rậm phủ chắn lối đi. Được biết 16 năm về trước, tức năm Thành Thái thứ 2 (1890), để ngăn chặn phần nào thiên họa hoành hành này, triều đình Huế đã tăng vọt mức thưởng cho người bắt được cọp từ 30-40 quan lâu nay lên tới 100 quan; thậm chí đến tháng 4/1892, “Toàn quyền đại thần bàn định bắt được một con cọp thưởng 12 đồng [120 quan], một con beo thưởng 8 đồng [80 quan], do ngân sách của Bảo hộ (Chính phủ Bảo hộ Pháp – TG) cấp phát” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn, 2011, tr. 116). Chẳng thế mà thành ngữ của người dân quanh vùng từng chỉ dẫn những lời cảnh báo lẫn răn đe khủng khiếp: cọp Khánh Hòa (ma Bình Thuận); cọp núi Lá (cá sông Hinh)!

Cũng vẫn là đèo Cả, thiên ký sự xuyên Việt *Sur la route mandarine* (Trên đường cái quan) xuất bản thành sách tại Paris

năm 1925 của nhà văn-viện sĩ người Pháp Roland Dorgelès với lời tựa độc đáo “Partir c’est mourir un peu” (Đi là chết trong lòng một ít) trích dẫn một câu thơ của thi sĩ đương thời Edmond Haraucourt đã vang dậy trong lòng viễn khách khúc tráng ca sông núi: “Những hòn đá cao quá bắt ngợp, nghiêng mình mà trầm tư mặc tưởng; những cái thác nhỏ trắng phau, chảy từ trên cao xuống hồ thẳm; những cây suôn đuột lên trời, bốn bên dây leo lá phủ. Thật là một cảnh *cổ cây chen đá, lá chen hoa*... Chúng tôi trèo, trèo mãi, rồi thỉnh linh đứng trước khoảng không gian vô hạn. Rồi từ đó, xe xuống dốc, cứ quanh co bên triền núi, bên này non cao đồ sộ, bên nọ biển rộng mênh mông... Chiều lại, vắng vắng bên rừng, một tiếng hươu kêu, vài tiếng vượn hú...” (Nguyễn Đình Cầm, Trần Sĩ, 1937, tr. 5).

Đến những năm 1930, trên các trang sách khảo cứu về địa lý miền Đông Dương của Trường Sở Giáo dục Trung Kỳ Bourotte và bác sĩ Sallet vẫn chứa chan “một cảnh quan đáng ca ngợi về vẻ duyên dáng và mỹ lệ” với “con đường đi ngang dưới một rừng dừa và dọc theo lớp màu lộng lẫy và những vịnh trong xanh bao bọc bởi những bán đảo hay các mỏm núi xanh tươi... Ở cửa sông Đà Rằng thấy có nhiều đụn cát và ruộng muối, rồi đến mũi Varella với những phiến đá màu tím đang đặt chân xuống vùng biển trong xanh, được viền bởi những bãi biển nhỏ màu vàng cam trên đó ngư dân kéo thuyền của họ lên” và “con đường dốc đi xuống ở mũi Varella làm hiện ra vẻ đẹp mênh mông của mặt biển, một mặt biển sáng loáng trên đó nổi lên đảo Hon Nua (Hòn Nưa - TG)” (Nguyễn Cửu Sà dịch, 2003, tr. 91). Từ miêu tả trên

nhìn lại, có lẽ đây là nơi hiếm hoi đặc thù thiên nhiên ít thay đổi nhất so với hết thảy những gì ngày nay chúng ta nhìn thấy. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ John Barrow dựa vào đoạn mô tả mà dẫn giải rằng Faifo là vị trí muốn nói. Bác sĩ Sallet dựa vào hồi ức của Jackson đi đến một kết luận khác: Trà Kiệu là thành phố có thành xây mà Faria đã thấy vào năm 1537. Thực tế, Faifo lẫn cả Tourane không phải là những thành phố có tường bao, còn Trà Kiệu thì đã trở thành phế tích từ những thời kỳ xa xưa. Mặt khác, cách phát âm địa danh Boralho tỏ ra trùng khớp với tên gọi sông Ba thuộc vùng đất Phú Yên: Boralho = Baran = Bà Rằn/ Đà Rằn tức con sông Đà Rằng nay. Xem: J. Barrow. 2008. Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793). Hà Nội: Nxb. Thế giới (tr. 123-124). Hà Xuân Liêm (dịch). 2004. Những người bạn cổ đô Huế. Tập XV. Năm 1928. Huế: Nxb. Thuận Hóa (tr. 517).

⁽²⁾ Cuộc chinh phạt Thành Hồ năm 1578 dưới quyền chỉ huy của tướng Lương Văn Chánh chép lại trong sách *Đại Nam liệt truyện tiền biên*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barrow, John. 2008. *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
2. Bourrin, Claude. 2009. *Đông Dương ngày ấy (1898-1908)*. Hà Nội: Nxb. Lao động.
3. Edmund, Roberts. 1837. *Embassy to the Eastern Courts of Cochinchina, Siam, and Muscat, in the U.S. Sloop-of-War Peacock, David Geisinger, Commander, During the Years 1832-3-4*, New York: Harper & Brothers.
4. Fourniau, Charles. 1982. *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định-Phú Yên (1885-1887)*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số 6.

5. Hà Xuân Liêm (dịch). 2006. *Những người bạn cổ đô Huế*. Tập XXI. Năm 1934. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
6. Hà Xuân Liêm (dịch). 2010. *Những người bạn cổ đô Huế*. Tập XXIV. Năm 1937. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
7. Hà Xuân Liêm (dịch). 2012. *Những người bạn cổ đô Huế*. Tập XXVI. Năm 1939. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
8. Hồng Nhuệ (dịch). 1999. *Đàng Trong thế kỷ 18*. Tạp chí Xưa & Nay. Số 68B.
9. Nguyễn Đình Cầm, Trần Sĩ. 1937. *Địa dư tỉnh Phú Yên*. Imprimerie de Quinhon.
10. Nguyễn Đình Đầu. 2009. *Thử nhận xét về An Nam Đại quốc họa đồ*. Tạp chí Xưa & Nay. Số 339.
11. Nguyễn Trọng Giai (dịch). 1932. *Irrigations du Phu Yen (Reseau de Tuy Hoa)*, Hà Nội: Hydraulique agricole en Indochine.
12. Nguyễn Cửu Sà (dịch). 2003. *Những người bạn cổ đô Huế*. Tập XVI. Năm 1929. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
13. Nguyễn Cửu Sà (dịch). 2003. *Những người bạn cổ đô Huế*. Tập XVIII. Năm 1931. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
14. Nguyễn Đình Tư. 1965. *Non nước Phú yên*. Sài Gòn: Nxb. Tiền Giang.
15. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2011. *Đại Nam thực lục chính biên đệ lục kỷ phụ biên*. TPHCM: Nxb. Văn hóa-Văn nghệ.
16. Rhodes, Alexandre. 1994. *Hành trình và truyền giáo*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
17. Rhodes, Alexandre. 1994. *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*. TPHCM: Nxb. TPHCM.